

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY AN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HS-ST  
Ngày: 21/9/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Hùng Định và Phạm Thị Thùy Lê

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa:** Ông Lê Quang Chính - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 09 năm 2020 đối với các bị cáo:

**- Nguyễn Duy B** (tên gọi khác: Lế) - sinh năm 1983, tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện PH, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: thợ sửa điện; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Kim H - sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1960; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**- Nguyễn Tấn C** - sinh năm 1997, tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện PH, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (chết) và con bà Phan Thị H - sinh năm 1978; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1997  
Trú tại: Thôn PT, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên  
Vắng mặt.

**- Người làm chứng:**

1. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1987  
Trú tại: Thôn CT, xã HK, thành phố TH, tỉnh Phú Yên

2. Anh Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1997  
Trú tại: Thôn PT, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

3. Anh Bùi Đức N, sinh năm 1998

Trú tại: Thôn PT, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

4. Bà Đào Thị D, sinh năm 1965

Trú tại: Thôn PT, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

5. Anh Võ Kim PH, sinh năm 1987

Trú tại: Thôn HS, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

6. Chị Nguyễn Thị Lưu L, sinh năm 1995

Trú tại: Thôn PT, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

Người làm chứng đều vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 11/5/2020, Nguyễn Tấn C điều khiển xe mô tô BKS 78E1-271.48 chở Nguyễn Duy B và Bùi Văn Tấn điều khiển xe mô tô BKS 78C1-064.88 đi từ thành phố TH đến thôn PT, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên để chơi. Khi đến, cả ba vào quán của bà Đào Thị D để ăn bún. Lúc này tại quán có Nguyễn Thanh P, Nguyễn Ngọc P, Bùi Đức N đang ngồi ăn ở bàn bên cạnh. B thấy chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A5s 2020 của P đang để trên ghế nhựa gần vị trí P đang ngồi. Khi P đi tính tiền, B lén lút lấy chiếc điện thoại này đưa cho C và bảo C mang ra xe cất giấu. Thấy vậy, Tấn bảo C trả điện thoại nhưng C không trả mà tắt nguồn và bỏ vào túi quần của mình. Phát hiện bị mất điện thoại P kiểm tra và thấy chiếc điện thoại trong túi quần của C nên trình báo cơ quan Công an.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 19/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tuy An kết luận: Chiếc điện thoại vào thời điểm bị chiếm đoạt ngày 11/5/2020 có giá trị 3.090.000đ.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS-TA ngày 24/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An đã truy tố các bị cáo Nguyễn Duy B, Nguyễn Tấn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo B khai nhận hành vi phạm tội như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, bị cáo không trình bày lời bào chữa, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo C khai nhận hành vi phạm tội như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, bị cáo không trình bày lời bào chữa, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố phát biểu luận tội và đề nghị giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1, điều 173; điểm i, s khoản 1 điều 51; áp dụng thêm điểm p khoản 1 điều 51 cho B; điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Tấn C từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; Xử phạt Nguyễn Duy B từ 06 đến 09

tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Không xem xét. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Duy B và Nguyễn Tấn C khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác về thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 11/5/2020, tại quán ăn của bà Đào Thị D, thôn PT, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, Nguyễn Duy B đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5s 2020 của Nguyễn Thanh P đưa cho Nguyễn Tấn C cất giấu. Theo kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 19/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuy An, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.090.000đ.

Nguyễn Duy B, Nguyễn Tấn C đã lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị là 3.090.000đ là đủ dấu hiệu cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng số 21/CT-VKS-TA ngày 24/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An truy tố hành vi các bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất nguy hiểm của hành vi, nhưng đã trực tiếp xâm hại trái pháp luật đến tài sản của người khác, đồng thời hành vi của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, nên cần xử lý các bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội đã gây ra.

Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, riêng bị cáo Nguyễn Duy B được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công thực hiện tội phạm, bị cáo B lợi dụng sơ hở của bị hại để lén lút chiếm đoạt tài sản, bị cáo C là người giúp sức cất

giấu tài sản bị chiếm đoạt, lẽ ra phải xử phạt bị cáo B mức án cao hơn, nhưng bị cáo hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn bị cáo C, nên xử phạt các bị cáo mức án bằng nhau thì cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội. Do đó áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo hưởng án treo theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp. Các bị cáo đều thuộc hộ cận nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[3] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên HĐXX không giải quyết.

[4] Về vật chứng vụ án: Không xem xét.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1 điều 51, điều 65 Bộ luật hình sự; Khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo. Nguyễn Duy B được áp dụng thêm điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Duy B và Nguyễn Tấn C phạm tội trộm cắp tài sản.

- Xử phạt Nguyễn Duy B 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt Nguyễn Tấn C 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Duy B, Nguyễn Tấn C cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện PH, tỉnh Phú Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Không giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Không giải quyết.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Duy B và Nguyễn Tấn C, mỗi người phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An;
- CQĐT Công huyện Tuy An;
- Cơ quan thi hành án hình sự
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thanh Tùng**